

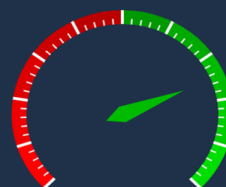
NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

PSI DAILY REPORT

TỔNG HỢP: **MUA MẠNH**

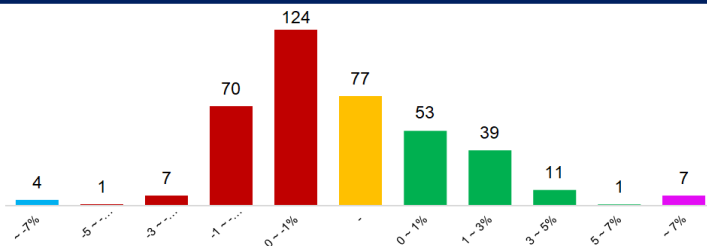
Đường trung bình: **MUA MẠNH** Mua (10) Bán(2)
Chỉ số kỹ thuật: **MUA** Mua (5) Bán (3)

* Dữ liệu được tính toán tự động theo thời gian thực



21/11/2025	HSX	HNX	UPCOM
Chỉ số Index	1,654.93	263.13	118.73
Tăng/ giảm điểm	▼ -1.06	▼ -1.10	▼ -0.78
KLGD (triệu CP)	731	73	43
GTGD (tỷ VNĐ)	20,090.9	1,736.7	602.3
Khối ngoại (tỷ VNĐ)	-587.8	30.5	-118.9

ĐỘ RỘNG SẢN HSX



HIỆU SUẤT CÁC NHÓM NGÀNH 21/11

Ngành	Tăng/Giảm %	Đóng góp Index
Bất động sản	0.81%	3.23
Du lịch và Giải trí	1.63%	1.23
Công nghệ Thông tin	1.59%	0.67
Tài nguyên Cơ bản	0.39%	0.22
Ô tô và phụ tùng	0.27%	0.02
Truyền thông	-0.44%	-0.01
Xây dựng và Vật liệu	-0.08%	0.03
Y tế	-0.43%	0.04
Điện, nước & xăng dầu khí	-0.11%	0.07
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.65%	0.08
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.37%	0.23
Bảo hiểm	-1.94%	0.24
Bán lẻ	-0.92%	0.33
Hóa chất	-0.89%	0.43
Dầu khí	-1.44%	0.45
Thực phẩm và đồ uống	-0.78%	0.77
Dịch vụ tài chính	-1.21%	1.06
Ngân hàng	-0.47%	2.72

BIỂU ĐỒ KỸ THUẬT



*Hỗ trợ gần nhất: 1,570 - 1,575 điểm
**Kháng cự gần nhất: 1,605 - 1,610 điểm.

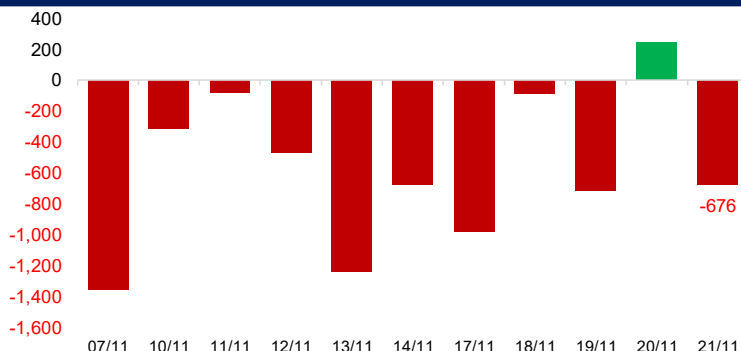
NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG NGÀY

Thị trường ghi nhận phiên giảm nhẹ nhưng vẫn duy trì trên MA20, cho thấy xu hướng ngắn hạn có cải thiện dù lực cầu còn yếu. Mẫu nến bóng dưới dài phản ánh lực đỡ cuối phiên nhưng chưa đủ xác nhận xu hướng tăng rõ ràng. VN-Index tiếp tục đối mặt vùng kháng cự mạnh 1655–1670, trong khi hỗ trợ gần tại 1635–1640. Dòng tiền giao dịch duy trì thấp và khối ngoại bán ròng là yếu tố cản trở đà hồi phục. Thị trường nhiều khả năng duy trì biến động hẹp trong ngắn hạn.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG PSI DAILY REPORT

GIÁ TRỊ NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI MUA/BÁN RÒNG (TỶ)

KL MUA	71,439,078
KL BÁN	98,178,166
KL MUA - BÁN	- 26,739,088
GT MUA	2,532.88 tỷ đồng
GT BÁN	3,209.08 tỷ đồng
GT MUA - BÁN	- 676.20 tỷ đồng



DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ CỔ PHIẾU NGẮN HẠN

Mã	Giá mua	Giá cắt lỗ	Giá mục tiêu	%LN	Trạng thái
HPG	26.50	24.70	29.70	3.40%	Nắm giữ
DIG	20.95	19.50	23.50	0.24%	Nắm giữ

CÁC SẢN PHẨM KHÁC CỦA TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

VIỆT NAM TRONG “CƠN LỐC” THUẾ ĐỐI ỨNG 46% >>> [Xem tại đây](#)

Báo cáo Chiến lược đầu tư 2025 - Kỳ nguyên vẹn mình >>> [Xem tại đây](#)

CHIẾN TRANH THƯƠNG MẠI 2.0: CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC >>> [Xem tại đây](#)

Báo cáo triển vọng giá dầu và cổ phiếu dầu khí 2024 - 2025 >>> [Xem tại đây](#)

BÁO CÁO CẬP NHẬT NGÀNH ĐẦU TƯ CÔNG >>> [Xem tại đây](#)

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Các thông tin và nhận định trong báo cáo này được PSI đưa ra dựa trên những nguồn tin mà PSI coi là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Tuy nhiên, PSI không đảm bảo tính đầy đủ và chính xác tuyệt đối của các thông tin này.

Báo cáo được đưa ra dựa trên các quan điểm của cá nhân chuyên viên phân tích, không nhằm mục đích chào bán, lôi kéo nhà đầu tư mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng báo cáo này như một nguồn tham khảo cho quyết định đầu tư của mình và PSI sẽ không chịu bất cứ trách nhiệm nào trước nhà đầu tư cũng như đối tượng được nhắc đến trong báo cáo này về những tổn thất có thể xảy ra khi đầu tư hoặc thông tin sai lệch về đối tượng được nhắc đến trong báo cáo này.

DANH MỤC DÀI HẠN - NHÓM CỔ PHIẾU GIÁ TRỊ

Mã cổ phiếu	Tăng trưởng doanh thu			Tăng trưởng lợi nhuận			KLGD trung bình 3 tháng (cp)	ROE TTM	ROA TTM	P/E TTM	P/B TTM
	2022	2023	2024	2022	2023	2024					
BID	20%	0%	3%	69%	20%	17%	7,210,938	17.60%	0.91%	11.49	1.89
MBB	37%	7%	6%	37%	16%	9%	29,971,678	21.36%	2.13%	9.26	1.85
CTG	14%	11%	18%	19%	18%	27%	9,397,336	19.97%	1.24%	9.24	1.71
ACB	24%	6%	11%	43%	17%	5%	15,975,150	20.17%	1.96%	8.91	1.73
SHB	13%	10%	10%	54%	-5%	27%	85,528,584	18.34%	1.43%	7.78	1.35
HDB	30%	23%	39%	27%	26%	28%	23,798,999	25.21%	2.02%	8.12	1.87
MSB	34%	10%	11%	14%	1%	19%	19,606,359	13.65%	1.60%	8.90	1.15
STB	43%	29%	11%	48%	53%	31%	12,981,945	20.70%	1.54%	9.40	1.82
PVT	21%	6%	23%	39%	6%	20%	4,132,282	13.86%	5.45%	7.86	1.05
QNS	13%	21%	2%	3%	70%	9%	229,837	21.22%	14.78%	8.26	1.73

DANH MỤC DÀI HẠN - NHÓM CỔ PHIẾU CỔ TỨC TIỀN MẶT CAO

Mã cp	Tỷ suất cổ tức			Nợ vay tài chính /VCSH	KLGD trung bình 3 tháng (cp)	ROE TTM	ROA TTM	P/E TTM	P/B TTM
	2022	2023	2024						
DCM	6%	9%	6%	0.13	3,869,502	14.74%	9.16%	12.55	1.77
DPM	15%	22%	6%	0.31	3,793,607	4.25%	2.87%	33.57	1.43
GAS	5%	6%	10%	0.05	1,049,249	16.96%	12.13%	15.21	2.57
NT2	9%	14%	9%	0.24	1,037,942	6.79%	3.06%	20.81	1.45
SAB	7%	5%	7%	0.02	1,450,977	17.17%	12.56%	15.23	2.61
VNM	7%	7%	7%	0.26	4,733,510	26.63%	15.80%	15.19	3.95
QNS	7%	7%	9%	0.27	354,059	23.35%	16.14%	10.56	1.14
QTP	12%	17%	11%	0.04	557,688	10.71%	7.82%	7.02	1.85
VEA	12%	11%	13%	0.00	72,551	25.66%	24.42%	17.58	1.77
PVI	6%	5%	6%	0.02	3,869,502	10.23%	2.49%	12.55	1.77

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Các thông tin và nhận định trong báo cáo này được PSI đưa ra dựa trên những nguồn tin mà PSI coi là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Tuy nhiên, PSI không đảm bảo tính đầy đủ và chính xác tuyệt đối của các thông tin này.

Báo cáo được đưa ra dựa trên các quan điểm của cá nhân chuyên viên phân tích, không nhằm mục đích chào bán, lôi kéo nhà đầu tư mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng báo cáo này như một nguồn tham khảo cho quyết định đầu tư của mình và PSI sẽ không chịu bất cứ trách nhiệm nào trước nhà đầu tư cũng như đối tượng được nhắc đến trong báo cáo này về những tổn thất có thể xảy ra khi đầu tư hoặc thông tin sai lệch về đối tượng được nhắc đến trong báo cáo này.